

TOÁN
LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU:

* Giúp học sinh:

- củng cố các kỹ năng thực hiện phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số (chia hết ở các lượt chia); tìm một trong các phần bằng nhau của một số.

- Tự giải bài toán tìm một trong các phần bằng nhau của một số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Sgk, phấn, bảng.

III. HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP:

HD	GIÁO VIÊN	HỌC SINH
<p>1. BÀI CŨ: (3-4')</p>	<p>- Gọi 2 học sinh lên bảng làm bài, cả lớp làm vào bảng con. Đặt tính rồi tính: $84 : 4$ $63 : 3$ -GV chữa bài, nhận xét và cho điểm.</p>	<p>- Hai HS lên bảng làm bài, lớp làm bảng con.</p>
<p>2. BÀI MỚI: (27-28')</p> <p>Luyện tập. Bài 1: - Đặt tính rồi tính.</p>	<p>+ Giới thiệu bài, ghi đầu bài. a) Nêu yêu cầu của bài toán và yêu cầu HS làm bài. - Yêu cầu HS làm bài vào bảng con. - Yêu cầu từng HS vừa lên bảng nêu rõ cách thực hiện phép tính của mình. HS cả lớp theo dõi nhận xét bài của bạn. b) Yêu cầu HS đọc bài mẫu phần. - Hướng dẫn HS: 4 không chia được 6 lấy 42 chia 6 được 7, viết 7. 7 nhân 6 bằng 42, 42 trừ 42 bằng 0 - Yêu cầu từng HS vừa lên bảng nêu rõ cách thực hiện tính của mình. HS cả lớp theo dõi nhận xét bài của bạn.</p>	<p>- Nhắc lại. - Đặt tính rồi tính. - 4 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào bảng con. - Học sinh nêu cách thực hiện phép tính của mình. Cả lớp theo dõi và nhận xét bài làm của bạn đúng/ sai chỗ nào. - HS đọc bài mẫu. - Làm theo hướng dẫn của GV. - 4 em lên bảng làm bài. Cả lớp làm vào bảng con. - HS nêu cách thực hiện phép tính của mình. Cả lớp theo dõi và nhận xét bài làm của bạn đúng/ sai chỗ nào.</p>
<p>Bài 2:</p>		

<p>Nêu cách tìm một phần tư của một số.</p> <p>Bài 3: Giải toán.</p> <p>3. Củng cố. DẶN DÒ: (2-3')</p>	<p>+ GV yêu cầu HS nêu cách tìm một phần tư của một số, sau đó tự làm bài.</p> <p>-Chữa bài, nhận xét và cho điểm HS</p> <p>+ Gọi HS đọc đề bài.</p> <p>- Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?</p> <p>-Yêu cầu HS suy nghĩ và tự làm bài.</p> <p>- Chữa bài, nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>+ Hãy nêu cách tìm một phần mấy của một số?</p> <p>-GV nhận xét tiết học.</p>	<p>-3 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p>$\frac{1}{4}$ của 20 cm là 5 cm</p> <p>$\frac{1}{4}$ của 40 km là 10 km.</p> <p>$\frac{1}{4}$ của 80 kg là 20 kg</p> <p>-1 HS đọc đề bài.</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>-1 em lên bảng làm, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p>Bài giải</p> <p>My đã đọc được số trang sách là:</p> <p>$84 : 2 = 42$ (trang)</p> <p>Đáp số: 42 trang</p>
---	--	--

TẬP VIẾT
ÔN CHỮ HOA D, Ñ

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

- củng cố cách viết chữ viết hoa D, Đ thông qua bài tập ứng dụng.
- Viết tên riêng *Kim Đồng* bằng chữ cỡ nhỏ.
- Viết câu ứng dụng *Đao có mài mới sắc/ người có học mới khôn* bằng chữ cỡ nhỏ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Mẫu chữ viết hoa D, Đ, K
- Tên riêng Kim Đồng và câu tục ngữ trên dòng kẻ ô li

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HĐ	GIÁO VIÊN	HỌC SINH
1. <u>BÀI CŨ:</u> (3-4')	- GV kiểm tra bài viết ở nhà của HS. - Yêu cầu viết: Chu Văn An, Chim. + Giới thiệu bài, ghi đầu bài.	- Mở vở tập viết. - 2 HS lên bảng viết, cả lớp viết bảng con.
2 <u>BÀI MỚI:</u> (27-28')	* Tìm các chữ hoa có trong bài? - GV viết mẫu, kết hợp nhắc lại cách viết từng chữ <u>Chữ D</u> : Viết nét lượn hai đầu theo chiều dọc rồi chuyển hướng viết tiếp nét cong phải tạo vòng xoắn nhỏ ở chân chữ, phần cuối nét cong lượn hẳn vào trong. <u>Chữ Ñ</u> : Viết như chữ D nhưng thêm một nét thẳng ngang ở giữa. - Yêu cầu viết bảng con. -> Nhận xét.	- Nhắc lại. - Chữ D, Ñ, K - HS theo dõi để nắm được cách viết.
Viết chữ hoa	* GV yêu cầu HS đọc từ ứng dụng -GV giới thiệu về Kim Ñoàng... - Yêu cầu viết bảng con từ ứng dụng. -> Nhận xét.	- Cả lớp viết bảng con các chữ: D, Ñ, K. Một em viết bảng lớp. - 2 HS đọc từ ứng dụng - 1 em viết trên bảng, lớp viết bảng
Luyện viết từ ứng dụng.		

<p>Luyện viết câu ứng dụng.</p> <p>Viết vào vở tập viết.</p> <p>Chấm, chữa bài.</p> <p>3. CÙNG CỐ- DẶN DÒ: (2-3')</p>	<p>* GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng. -GV giúp HS hiểu câu tục ngữ : con người phải chăm học mới khôn ngoan, trưởng thành. - Yêu cầu HS viết: Dao, Người. -> Nhận xét. * GV nêu yêu cầu: . Viết chữ D 1 dòng . Viết các chữ Ñ và K 1 dòng . Viết tên riêng Kim Đồng 2 dòng . Viết câu tục ngữ 2 lần. - Quan sát HS viết bài. * GV thu khoảng 7 bài chấm, nhận xét. + Các em vừa viết chữ hoa gì ? từ ứng dụng gì? -Về nhà hoàn thành bài viết ở nhà. - Nhận xét tiết học.</p>	<p>con từ: Kim Ñoàng.</p> <p>-2 HS đọc câu ứng dụng</p> <p>- 1 em lên bảng viết, lớp viết bảng con. -HS nghe hướng dẫn để viết đúng theo yêu cầu.</p> <p>-HS viết bài vào vở.</p> <p>-HS nghe, rút kinh nghiệm cho bài viết sau.</p>
--	--	--

TOÁN

PHÉP CHIA HẾT VÀ PHÉP CHIA CÓ DƯ.

I. MỤC TIÊU:

*Giúp học sinh:

- Nhận biết phép chia hết và phép chia có dư.
- Nhận biết số dư phải bé hơn số chia.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Các tấm bìa có chấm tròn như hình vẽ trong SGK, hoặc các que tính.

III. HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP:

HD	GIÁO VIÊN	HỌC SINH
1. BÀI CŨ: (3-4')	- Gọi 2 học sinh lên bảng làm bài, cả lớp làm vào bảng con Đặt tính rồi tính: $48 : 2$ $99 : 3$ $54 : 6$ $84 : 2$ - GV chữa bài, nhận xét và cho điểm HS. + Giới thiệu bài, ghi đầu bài.	- 2 học sinh lên bảng làm bài, cả lớp làm vào bảng con. - Nhắc lại
2. BÀI MỚI: (27-28')	* Giới thiệu phép chia hết và phép chia có dư: + <u>Nêu bài toán:</u> Có 8 chấm tròn, chia đều thành hai nhóm. Hỏi mỗi nhóm có mấy chấm tròn? -GV yêu cầu HS nêu cách thực hiện phép chia. -Nếu có 8 chấm tròn chia thành 2 nhóm thì mỗi nhóm được 4 chấm tròn và không thừa ra chấm tròn nào. Vậy 8 chia 2 không thừa, ta nói $8 : 2$ là phép chia hết. + <u>Nêu bài toán:</u> có 9 chấm tròn, chia đều thành hai nhóm. Hỏi mỗi nhóm nhiều nhất mấy chấm tròn và dư ra mấy chấm tròn? -Hướng dẫn HS tìm ra kết quả bằng đồ dùng trực quan. -Hướng dẫn HS thực hiện phép chia	- Mỗi nhóm có $8 : 2 = 4$ chấm tròn. - HS nhắc lại các bước chia như (sgk). -HS thực hành chia 9 chấm tròn thành 2 nhóm: mỗi nhóm được
a) Phép chia hết.		
b) Phép chia có dư.		

<p>Luyện tập.</p> <p>Bài 1: Tính rồi viết theo mẫu.</p> <p>Bài 2: Đúng(Đ), Sai(S)?</p> <p>Bài 3: Hình nào đã khoanh vào một phần hai số ô tô?</p> <p>3. Củng cố. DẶN DÒ: (2-3')</p>	<p>thành hai nhóm đều nhau thì mỗi nhóm có nhiều nhất mấy chấm tròn và còn thừa mấy chấm tròn. Vậy 9 chia 2 được 4, thừa 1, ta nói $9 : 2$ là phép chia có dư ta viết $9 : 2 = 4$ (dư 1).Chú ý: số dư nhỏ hơn số chia.</p> <p>+ Nêu yêu cầu của bài toán và yêu cầu HS tự làm bài.</p> <p>-Yêu cầu từng HS vừa lên bảng nêu rõ nêu rõ cách thực hiện phép tính của mình. HS cả lớp theo dõi để nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>- Các phép tính trong câu(a) là phép tính chia NTN?</p> <p>-Tiến hành tương tự với phần b),sau đó yêu cầu HS so sánh số chia và số dư trong các phép chia của bài.</p> <p>- Các phép tính trong câu(b) là phép tính chia NTN?</p> <p>-Nêu: số dư trong phép chia bao giờ cũng nhỏ hơn số chia.</p> <p>-Yêu cầu học sinh tự làm phần c).</p> <p>+ Bài tập yêu cầu các em kiểm tra các phép tính chia trong bài muốn biết phép chia đó đúng hay sai, các em cần thực hiện lại từng phép tính của mình với bài tập.</p> <p>-Chữa bài, nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>+ Yêu cầu HS quan sát hình và trả lời câu hỏi: Hình nào đã khoanh vào một phần hai số ô tô?</p> <p>-Nhận xét cho điểm.</p> <p>+ Trong phép chia có dư thì số dư NTN với số chia?</p> <p>-GV nhận xét tiết học.</p>	<p>nhiều nhất 4 chấm tròn và còn thừa một chấm tròn.</p> <p>- HS nhắc lại các bước chia như (sgk).</p> <p>- 1 em nêu.</p> <p>-3 HS lên bảng làm phần a), cả lớp làm vào vở .</p> <p>-HS nêu cách thực hiện của mình.</p> <p>-Các phép chia trong câu(a) được gọi là phép chia hết.</p> <p>- Các phép chia trong câu(b) được gọi là phép chia có dư.</p> <p>-HS theo dõi và ghi nhớ.</p> <p>-HS làm tương tự như trên.</p> <p>-Tự làm bài, sau đó hai HS ngồi ngồi cạnh nhau đổi chéo vở nháp để kiểm tra bài lẫn nhau.</p> <p>a) Ghi Đ vì $32 : 4 = 8$.</p> <p>b) Ghi S vì $30 : 6 = 5$ không dư còn trong bài lại có dư là số dư là $6 = 6$.</p> <p>c) Ghi Đ vì $48 : 6 = 8$ không dư.</p> <p>d) Ghi S vì $20 : 3 = 6$ dư 2.</p> <p>Trong bài số dư lớn hơn số chia.</p> <p>- HS phát biểu: Hình(a) đã khoanh vào một phần hai số ô tô trong hình.</p>
---	--	--

CHÍNH TẢ
NHỚ LẠI BUỔI ĐẦU ĐI HỌC.

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Rèn kĩ năng viết chính tả

- Nghe – viết trình bày đúng đoạn văn trong bài Nhớ lại buổi đầu đi học. Biết viết hoa các chữ đầu dòng, đầu câu; ghi đúng các dấu câu.

- Phân biệt được cặp vần khó eo/ oeo ; phân biệt cách viết một số tiếng có âm đầu hoặc thanh dễ lẫn : s/x, ươn/ương.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bút dạ, giấy khổ to cho các nhóm làm bài tập 3

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HD	GIÁO VIÊN	HỌC SINH
<p>1. BÀI CŨ: (3-4')</p> <p>2. BÀI MỚI: (26-28') * Hướng dẫn nghe viết.</p> <p>Chấm, chữa bài.</p>	<p>-GV đọc cho 2 HS viết trên bảng lớp, cả lớp viết vào bảng con các từ ngữ sau: khoeo chân, đèn sáng, xanh xao, giếng sâu. - Nhận xét, ghi điểm. + Giới thiệu bài, ghi đầu bài. -GV đọc bài viết. -Đoạn viết này cho em biết điều gì? -Những chữ nào trong đoạn văn được viết hoa? -Hướng dẫn HS viết bảng con các từ dễ viết sai: bờ ngõ, nép, quăng trời, ngập ngừng. -Nêu cách trình bày bài viết ?</p> <p>-GV nhắc HS ngồi ngay ngắn , viết nắn nót. -GV đọc từng câu. -GV đọc lại bài -GV thống kê lỗi lên bảng. + Thu khoảng 7 vở chấm và nhận xét * GV yêu cầu HS đọc đề</p>	<p>- 2 HS viết trên bảng lớp, cả lớp viết vào bảng con.</p> <p>- Nhắc lại. -2 HS đọc lại. -Sự ngỡ ngàng, rụt rè của đám học trò mới trong ngày tựu trường. -Các chữ đầu dòng, đầu câu.</p> <p>-HS viết bảng con các từ GV vừa hướng dẫn.</p> <p>-Viết đề bài ở giữa trang vở, chữ đầu tiên lùi vào hai ô từ lề. kẻ lề.</p> <p>-HS thực hiện. -HS nghe đọc và viết bài vào vở. -HS soát lỗi. -HS báo lỗi</p> <p>-1 HS đọc đề , cả lớp đọc thầm.</p>

<p>* Bài tập. <u>Bài 2:</u> -Điền vào chỗ trống eo hay oeo.</p> <p><u>Bài 3:</u> -Tìm từ chứa tiếng có s hoặc x.</p> <p>3. Củng cố, DẶN DÒ: (2-3')</p>	<p>-Đề bài yêu cầu gì ?</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài.</p> <p>-GV theo dõi, nhận xét. Tuyên dương những HS làm bài đúng.</p> <p>-GV chọn cho HS làm phần(a)</p> <p>-GV yêu cầu HS đọc đề.</p> <p>-Đề bài yêu cầu gì ?</p> <p>-GV phát cho các nhóm giấy khổ lớn để làm bài.</p> <p>-GV theo dõi, nhận xét. Tuyên dương những nhóm HS làm bài đúng.</p> <p>+ Nêu cách trình bày bài chính tả dưới dạng bài thơ bốn chữ ?</p> <p>-GV nhận xét tiết học. Tuyên dương những HS viết chính tả đúng.</p>	<p>-Điền vào chỗ trống eo hay oeo.</p> <p>-1 HS làm trên bảng lớp , cả lớp làm vào bảng con. Một số em đọc bài của mình. Cả lớp theo dõi , nhận xét.</p> <p>VD: Nhà nghèo, đường ngoằn ngoèo, cười ngặt ngoẽo, ngoẹo đầu.</p> <p>-HS đọc đề, cả lớp đọc thầm.</p> <p>-Tìm từ chứa tiếng có s hoặc x.</p> <p>-Các nhóm nhận giấy khổ lớn, thảo luận và điền kết quả. Đại diện nhóm treo bảng và trình bày bài làm của nhóm. Các nhóm theo dõi và nhận xét.</p>
---	--	---

Âm nhạc
ÔN BÀI HÁT : ĐẾM SAO

I. MỤC TIÊU :

- HS hát đúng , thuộc bài , hát với tình cảm vui tươi .
- HS hào hứng tham gia trò chơi âm nhạc và biểu diễn .
- Giáo dục tinh thần tập thể trong các hoạt động của lớp .

II. CHUẨN BỊ:

- Nhạc cụ quen dùng , băng nhạc , máy nghe và một vài nhạc cụ gõ .
- Chuẩn bị một số mũ gắn hình ngôi sao để h/s biểu diễn .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HD	GIÁO VIÊN	HỌC SINH
<p>1. <u>BÀI CŨ:</u> (3-4')</p> <p>2. <u>BÀI MỚI:</u> (27-28')</p> <p><u>Hoạt động 1 :</u> Ôn tập bài hát <i>Đếm sao</i>.</p> <p><u>Hoạt động 2:</u> Trò chơi âm nhạc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2 em lên hát bài hát <i>Đếm sao</i>. - Nhận xét, đánh giá. + Giới thiệu bài, ghi đầu bài. - Nghe băng nhạc bài hát <i>Đếm sao</i>. - Cả lớp vừa hát vừa gõ đệm theo nhịp 3 - Chia lớp thành nhóm thi đua biểu diễn . - Giáo viên cùng h/s nhận xét , tuyên dương a) Đếm sao : <ul style="list-style-type: none"> - G/v treo bảng phụ viết sẵn các nốt theo tiết tấu như sgk. - Nói theo tiết tấu , đếm từ 1 đến 10 ông sao: b) Trò chơi hát âm a , u , i . <ul style="list-style-type: none"> - Dùng các nguyên âm thay lời ca của bài <i>Đếm sao</i> . - Giáo viên viết 3 nguyên âm lên bảng . Dùng thước chỉ vào từng âm ra hiệu lệnh . 	<ul style="list-style-type: none"> - Hai HS lên hát, lớp theo dõi, nhận xét. - Nhắc lại. - Nghe băng nhạc - Hát và gõ đệm theo nhịp 3 - Các nhóm thi đua biểu diễn - H/s nói theo tiết tấu đếm từ 1 đến 10 ông sao . - h/s hát cả bài bằng lời 1 lần sau đó dùng âm a , u , i để thay thế .

<p>3. Củng cố Dẫn Dò: (2-3')</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu một số h/s lên hát và kết hợp biểu diễn bài hát 1,2 lần . - Về nhà học thuộc lời bài hát và tập hát . - Nhận xét tiết học .
--	---

TOÁN
LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU:

- Giúp học sinh củng cố nhận biết về chia hết, chia có dư và đặc điểm của số dư.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

-Sgk, phấn, bảng.

III. HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP:

HD	GIÁO VIÊN	HỌC SINH
<p>1. BÀI CŨ: (3-4')</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2 học sinh lên bảng làm bài: -Đặt tính rồi tính: $47 : 2$ $36 : 3$ $58 : 5$ $23 : 3$ -> Nhận xét, ghi điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> -2 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở bài tập.
<p>2. BÀI MỚI: (27-28')</p> <p>Luyện tập. <u>Bài 1:</u> Tính.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Giới thiệu bài, ghi đầu bài. * Cho HS nêu yêu cầu của BT. -Yêu cầu HS tự làm bài. -Yêu cầu từng HS vừa lên bảng nêu rõ cách thực hiện phép tính của mình. HS cả lớp theo dõi nhận xét bài của bạn. -Chữa bài, nhận xét và cho điểm HS. * Tiến hành tương tự BT1. - Cho HS nêu yêu cầu rồi tự làm bài. -Chữa bài, nhận xét và cho điểm HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại. - Một em nêu. - 2 em lên bảng, lớp làm bảng con. -HS nêu cách thực hiện phép tính của mình. Cả lớp theo dõi và nhận xét bài làm của bạn đúng / sai chỗ nào. -HS thực hiện theo yêu cầu của GV - 2 em lên bảng, lớp làm bảng con.
<p><u>Bài 2:</u> Đặt tính rồi tính.</p>	<ul style="list-style-type: none"> * Gọi HS đọc đề bài. - Bài toán cho biết gì? Hỏi gì? -GV yêu cầu HS suy nghĩ và tự làm bài 	<ul style="list-style-type: none"> -1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm. - HS trả lời. -1 em lên bảng làm bài, cả lớp làm